

Số: 28 /2017/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 21 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý và sử dụng
kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: 28/2017/QĐ-UBND
	Ngày: 21/12/2017
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh cảnh sát môi trường;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 70/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2008 của liên bộ: Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kinh phí hoạt động của tổ chức, bộ phận chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý,

sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 458/TTr-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2017 về việc đề nghị ban hành Quy định một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh Yên Bái.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Lưu: VT, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí
sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2017/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường do ngân sách tỉnh phân bổ cho các cấp ngân sách trên địa bàn.
2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho mọi cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh.

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường

1. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường đảm bảo không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách địa phương trong dự toán ngân sách hằng năm.
2. Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới có đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.
3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phải sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quản lý; sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả; chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quy định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh

1. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh bao gồm:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường hàng năm của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, bao gồm:
 - Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường của tỉnh;

- Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thuộc thẩm quyền của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh;

- Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh;

- Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của tỉnh;

- Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ;

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;

- Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh;

- Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có);

- Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường của tỉnh; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

c) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý (đối với dự án có tính chất chỉ sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước; Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích; Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ);

- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt của tỉnh (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải);

- Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Hỗ trợ kinh phí hoạt động của cảnh sát môi trường.

đ) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

e) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội).

g) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

h) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện) bao gồm:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ môi trường cấp huyện.

b) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

c) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của cấp huyện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có).

đ) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.

e) Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt của huyện (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư trên địa bàn huyện.

g) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) bao gồm:

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

b) Hỗ trợ hoạt động kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã.

c) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ các hoạt động giảm thiểu, thu gom vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường khu dân cư, nơi công cộng trên địa bàn quản lý.

d) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã.

đ) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Mức chi

1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Quy định này quy định cụ thể thêm một số mức chi như sau:

a) Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh:

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
a	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	2.000	
b	Lập dự án	dự án	3.000 - 5.000	Tùy theo mức độ phức tạp của dự án
c	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
	- Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	- Thành viên, thư ký	người/buổi	300	
	- Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
d	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		
	- Nhiệm vụ		5.000	
	- Dự án		10.000-15.000	<i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ</i>
6	Thẩm định các hồ sơ về môi trường theo quy định của pháp luật và theo quyết định của cấp có thẩm quyền			
a	Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường; hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; hội đồng thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường/ phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	
	- Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	- Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	- Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
	- Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
b	Thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết (chỉ thành lập đoàn kiểm tra, không thành lập hội đồng thẩm định)			
	- Trưởng đoàn	Người/buổi	700	
	- Phó trưởng đoàn	Người/buổi	600	
	- Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	- Bài nhận xét thành viên đoàn kiểm tra	Bài viết	300	
	- Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ cơ sở hoàn thiện theo ý kiến của Đoàn kiểm tra (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học	người/buổi hội thảo		
	- Người chủ trì		500	
	- Thư ký hội thảo		300	
	- Đại biểu được mời tham dự		150	
	- Báo cáo tham luận	Bài viết	350	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
a	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	- Chủ tịch hội đồng	người/buổi	400	
	- Thành viên, thư ký		200	
b	Nghiệm thu dự án:			
	- Chủ tịch Hội đồng		700	
	- Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	400	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	400	
	- Đại biểu được mời tham dự		150	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
a	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	
b	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	
10	Chi giải thưởng môi trường:			
	- Tổ chức		5.000-15.000	
	- Cá nhân		3.000-10.000	

b) Mức chi công tác phí và tổ chức các hội nghị, tập huấn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác như: Chi xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Chi quan trắc môi trường và phân tích mẫu; Chi truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; Chi làm thêm giờ; Chi hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Lập, chấp hành và phân bổ dự toán

Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính, một số quy định cụ thể như sau:

1. Về lập dự toán:

a) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường của tỉnh.

b) Đầu quý II hàng năm, các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào nhiệm vụ chi ngân sách về sự nghiệp môi trường của cấp mình, lập kế hoạch nhiệm vụ và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm sau theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính.

2. Về phân bổ và giao dự toán:

a) Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh:

Căn cứ quyết định giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường cho các ngành và địa phương của tỉnh;

Đối với các đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị được phân bổ kinh phí thực hiện đúng nội dung dự toán đã được phê duyệt; Đối với các nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường khác, các đơn vị được giao kinh phí lập đề cương nhiệm vụ, dự toán chi tiết theo kế hoạch được duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp huyện:

Căn cứ vào quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Tài chính Kế hoạch lập phương án báo cáo Ủy ban nhân dân cấp

huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ, giao dự toán theo nhiệm vụ để các đơn vị tổ chức thực hiện;

Các đơn vị được phân bổ, giao kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện đúng nội dung dự toán đã được phân bổ;

Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp xã cấp qua ngân sách huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Tài chính Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định giao dự toán chi sự nghiệp môi trường cùng dự toán thu, chi ngân sách cấp xã theo định mức được cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp xã:

Căn cứ quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường

1. Các sở, ban, ngành chủ quản có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị trực thuộc về tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; quản lý và sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, đơn vị chức năng thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; quản lý và sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp các đề án, dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh; hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Hàng năm, tổng hợp nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi sự nghiệp môi trường của ngân sách tỉnh gửi Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Xây dựng nhiệm vụ và dự toán kinh phí ngân sách chi sự nghiệp môi trường đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Phối hợp với Sở Tài chính lập phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về chế độ quản lý, sử dụng, thanh quyết

toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường bố trí kinh phí chi sự nghiệp môi trường cho các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; hướng dẫn các đơn vị thụ hưởng kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về chế độ quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội của tỉnh

Đầu quý II hàng năm, căn cứ vào trách nhiệm của đơn vị mình, các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý được quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội có nhu cầu sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường lập kế hoạch nhiệm vụ và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm sau đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của đơn vị mình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ và thực hiện đúng nội dung nhiệm vụ và dự toán kinh phí đã được phân bổ.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Đầu quý II hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, lập dự toán chi sự nghiệp môi trường năm sau gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương.

b) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo tổng mức chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương được giao.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý vi phạm đối với các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường theo phân cấp.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Đầu quý II hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, lập dự toán chi sự nghiệp môi trường năm sau gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp gửi

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

b) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo tổng mức chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương được giao.

c) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường theo phân cấp.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường phải thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính và các nội dung của quy định này.

2. Hàng năm, sau khi quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính; các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường về Phòng Tài nguyên Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; vào đầu quý II hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm trước về Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

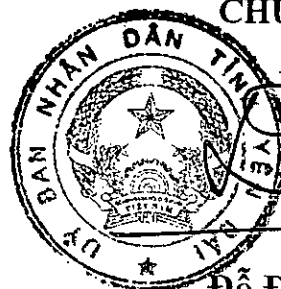
Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thực tế hoặc có văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên điều chỉnh về lĩnh vực này, Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./. N

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy